

LỖI VÀ NGUYÊN TẮC SỬA LỖI VIẾT CÂU TRONG VĂN BẢN CHO HỌC SINH DÂN TỘC KHMER Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Mai Thị Vân

*Trung tâm Nghiên cứu Khoa học xã hội và Nhân văn,
Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Email: mtvan@agu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/3/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 21/5/2021; Ngày duyệt đăng: 28/8/2021

Tóm tắt

Giáo dục tiếng Việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số trong đó có học sinh dân tộc Khmer luôn là một trong những vấn đề được Đảng và Nhà nước đặc biệt coi trọng. Tuy nhiên do một số nguyên nhân nên kết quả dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc Khmer vẫn chưa đạt được kết quả như mong đợi, nhiều học sinh còn mắc lỗi trong quá trình sử dụng tiếng Việt. Đặc biệt là trong quá trình tạo lập văn bản số lượng học sinh mắc lỗi viết câu rất cao. Vì vậy bài viết sẽ tập trung làm rõ những lỗi viết câu mà học sinh dân tộc Khmer ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh An Giang mắc phải trong quá trình tạo lập văn bản thông qua kết quả khảo sát 183 bài kiểm tra. Kết quả khảo sát đã cho thấy trong quá trình tạo lập văn bản học sinh dân tộc Khmer mắc rất nhiều lỗi nhưng chủ yếu là 4 nhóm lỗi đó là lỗi dấu câu, lỗi cấu trúc, lỗi logic và lỗi phong cách. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, bài viết đã đưa ra 3 nguyên tắc sửa lỗi câu cho học sinh dân tộc Khmer đó là: Sửa lỗi câu phải nhằm khắc phục được các nguyên nhân chủ yếu của học sinh vùng song ngữ; Sửa lỗi câu phải giúp học sinh biết cách phát hiện lỗi, nhận biết nguyên nhân và cách sửa chữa và sửa câu phải chú ý đặt câu vào đoạn, bài và mục đích của người viết. Tuy bài viết mới chỉ dừng lại ở bước khởi đầu trong một phạm vi hẹp nhưng hy vọng trong một quá trình nghiên cứu khác, chúng tôi sẽ quay trở lại để tìm hiểu và mở rộng hơn vấn đề nghiên cứu, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc Khmer.

Từ khóa: *An Giang, học sinh dân tộc Khmer, tiếng Việt.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.11.1.2022.929>

Trích dẫn: Mai, T. V. (2022). Lỗi và nguyên tắc sửa lỗi viết câu trong văn bản cho học sinh dân tộc Khmer ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 11(1), 91-99. <https://doi.org/10.52714/dthu.11.1.2022.929>.

ERRORS AND ERROR CORRECTION IN WRITTEN DISCOURSE FOR HIGH SCHOOL KHMER ETHNIC STUDENTS IN AN GIANG PROVINCE

Mai Thi Van

Social Sciences and Humanities Research Center,

An Giang University, Viet Nam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam

Email: mtvan@agu.edu.vn

Article history

Received: 25/3/2021; Received in revised form: 21/5/2021; Accepted: 28/8/2021

Abstract

Vietnamese language education for ethnic minority students, including Khmer students, is one of the issues considered particularly important by The Party and The Government. However, for some reasons, the results of teaching Vietnamese to Khmer students are not very good. Many students make mistakes in using Vietnamese, especially in creating texts. Therefore, the article focuses on clarifying mistakes made by Khmer students in high schools in An Giang Province on investigating 183 tests. The result shows that the Khmer students made many mistakes falling into 4 categories: punctuation, structural, logic, and text style. Under the current situation, the paper presents three principles for correcting sentences for Khmer ethnic students: correcting sentence mistakes in order to overcome the main causes of bilingual students; to detect errors, identifying causes and correction techniques; paying close attention to placing sentences into paragraphs, essay and purpose of the writer. This article is limited in both breadth and depth, so hopefully we will further explore the topic to improve the effectiveness of teaching Vietnamese to Khmer students.

Keywords: *An Giang, Khmer students, Vietnamese language.*

1. Đặt vấn đề

An Giang là một tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống như Kinh, Chăm, Hoa, Khmer. Trong đó, dân tộc Khmer có dân số đứng hàng thứ hai sau dân tộc Kinh với 90.271 người, chiếm 4% dân số của toàn tỉnh. Dân tộc Khmer An Giang sống tập trung chủ yếu ở hai huyện miền núi Tịnh Biên và Tri Tôn. Theo thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tỉnh An Giang, tổng số học sinh (HS) dân tộc Khmer ở An Giang là 17.319 HS. Cụ thể là ở bậc Tiểu học có 10.396 HS, ở bậc Trung học cơ sở có 5.611 HS và ở bậc Trung học phổ thông (THPT) có 1.312 HS, chiếm tỷ lệ 5,12% HS của toàn tỉnh. (Sở GD&ĐT tỉnh An Giang, 2020).

Đối với HS dân tộc Khmer, tiếng Khmer là tiếng mẹ đẻ, còn tiếng Việt được xem là ngôn ngữ thứ hai. Tiếng Khmer là phương tiện giao tiếp chính thức và tiêu chuẩn để đánh giá trình độ giáo lý, trình độ văn hóa của dân tộc Khmer. Do đó, đa số HS dân tộc Khmer đều sử dụng tiếng Khmer trong sinh hoạt gia đình và cộng đồng, còn tiếng Việt chủ yếu được sử dụng khi bước vào trường học. Vì vậy, trình độ tiếng Việt của HS dân tộc Khmer phụ thuộc vào mức độ các em tiếp xúc với tiếng Việt nhiều hay ít, sớm hay muộn và tùy vào năng lực trí tuệ, khả năng thích ứng của mỗi em.

Ở cấp tiểu học, nhất là ở những lớp đầu cấp, HS dân tộc Khmer gặp rất nhiều khó khăn trong giao tiếp và tiếp thu kiến thức vì vốn tiếng Việt của các em rất thiếu và yếu. Nhưng đến cấp THPT, trải qua hơn 10 năm tiếp xúc và sử dụng tiếng Việt trong nhà trường thì HS dân tộc Khmer đã tương đối thành thạo tiếng Việt ở phạm vi giao tiếp (nói) nhưng trong quá trình viết các em bị mắc rất nhiều lỗi về câu. Do đó việc đưa ra các nguyên tắc sửa lỗi viết câu cho HS dân tộc Khmer nhằm giúp HS dân tộc Khmer ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh An Giang nâng cao trình độ và khả năng sử dụng tiếng Việt là rất cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Nội dung dạy học về câu trong chương trình sách giáo khoa

Trong chương trình sách giáo khoa hiện hành, HS được thực hành viết câu ngay từ lớp 2. Quá trình thực hành viết câu trong điều kiện HS chưa được trang bị kiến thức về câu diễn ra liên tục từ lớp 2 đến lớp 3. Từ lớp 4 đến lớp 5, HS được học lý thuyết và làm các bài tập rèn luyện về các loại câu hỏi, câu trần thuật, câu cảm thán, câu cầu khiến và các dấu câu.

Lên bậc trung học cơ sở, nội dung các bài học về

câu được rải đều từ lớp 6 đến lớp 9 theo nguyên tắc tích hợp xen kẽ những nội dung về Văn và Làm văn. Cụ thể là ở lớp 6, HS được học về “các thành phần chính của câu, câu trần thuật đơn, câu trần thuật đơn có từ là, câu trần thuật đơn không có từ là; chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ, ôn tập về dấu câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy)” (Bộ GD&ĐT, 2002). Lên lớp 7, HS được học “rút gọn câu, câu đặc biệt, thêm trạng ngữ cho câu, chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động, dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu, dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy, dấu gạch ngang” (Bộ GD&ĐT, 2003). Lên lớp 8, HS được học về “câu ghép, dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm, dấu ngoặc kép, câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, câu trần thuật, câu phủ định” (Bộ GD&ĐT, 2004). Đến lớp 9, HS được học về “liên kết câu và liên kết đoạn văn” (Bộ GD&ĐT, 2005).

Nhìn chung, kiến thức về câu giữa chương trình Tiếng Việt ở bậc tiểu học và chương trình Tiếng Việt bậc trung học cơ sở có sự thống nhất. Các bài học về câu được biên soạn theo hướng tích hợp giữa cách phân loại câu theo cấu trúc cú pháp và cách phân loại câu theo mục đích giao tiếp, trong đó mục đích giao tiếp lấy làm nòng cốt. Các bài học về câu chủ yếu được dạy theo quan điểm giao tiếp, lấy việc thực hành làm trọng tâm.

Nếu kiến thức về câu giữa chương trình Tiếng Việt ở bậc tiểu học và chương trình Tiếng Việt bậc trung học cơ sở có sự liên thông và tiếp nối khá tốt thì ưu điểm trên lại không được tiếp tục phát huy ở bậc THPT. Chương trình Ngữ văn ở THPT không có điều kiện để tiếp tục đi sâu và mở rộng thêm những kiến thức về câu ở các cấp học dưới mà chỉ có điều kiện nhắc lại khi cần thiết. Cụ thể là trong chương trình Ngữ văn 10 Ban cơ bản không có một tiết lý thuyết và thực hành nào dành riêng cho phần câu mà giáo viên chỉ hướng dẫn cho HS làm 3 bài tập thực hành về sửa lỗi câu nằm trong bài *Những yêu cầu về sử dụng tiếng Việt*. Tương tự như chương trình của Ban cơ bản, ở chương trình Tự chọn của Ngữ văn 10, HS được thực hành làm một số bài tập lỗi về câu trong chủ đề: *Những lỗi thường gặp trong sử dụng tiếng Việt - thực hành sửa lỗi* (Bộ GD&ĐT, 2006). Sang lớp 11, những vấn đề lý thuyết về câu ở lớp dưới chỉ được gọi lại sơ lược trong tiết thực hành về câu đó là: *Thực hành về sự lựa chọn trật tự các bộ phận trong câu; Thực hành về sử dụng một số kiểu câu trong văn bản; nghĩa của câu* (Bộ GD&ĐT, 2007). Lên lớp 12, kiến thức về câu đã không được đề cập đến trong chương trình Ngữ văn.

Nhìn lại chương trình Ngữ văn hiện hành, chúng ta có thể thấy ưu điểm nổi bật nhất là phần lý thuyết về ngôn ngữ tiếng Việt ngắn gọn, dễ hiểu, làm cho môn học bớt đi tính nặng nề. Song điều bất cập nhất ở chương trình Ngữ văn hiện hành chính là phần lý thuyết về câu gần như bị bỏ qua, số tiết thực hành về câu tương đối ít, đồng thời việc dạy câu nằm trong văn bản cũng chưa được chú ý nhiều.

Trong chương trình Ngữ văn mới, ở cấp tiểu học kiến thức tiếng Việt tập trung vào một số hiểu biết đơn giản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp và biến thể ngôn ngữ (ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, số liệu); có khả năng nhận biết, bước đầu hiểu được các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp. Ở trung học cơ sở, kiến thức tiếng Việt tập trung vào những hiểu biết cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, sự phát triển ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ (từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội; ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ), giúp HS có khả năng hiểu các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp. Ở cấp THPT, kiến thức tiếng Việt nâng cao theo hướng chú ý đến một số hiểu biết nâng cao về tiếng Việt giúp HS hiểu, phân tích và bước đầu biết đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan, chú trọng những cách diễn đạt sáng tạo và sử dụng ngôn ngữ trong các báo cáo nghiên cứu và trong giao tiếp.

Có thể nói, trên cơ sở chương trình Ngữ văn hiện hành, chương trình Ngữ văn mới đã có sự kế thừa và phát triển theo định hướng phát triển năng lực. Chương trình được thiết kế theo các mạch chính tương ứng với các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe của HS. Tuy nhiên do bị rào cản về ngôn ngữ nên dù ở chương trình hiện hành hay chương trình mới thì khả

năng vận dụng câu để tạo lập văn bản của HS người dân tộc Khmer sẽ khó khăn hơn so với HS người Kinh dẫn tới việc mắc lỗi trong quá trình viết câu là không thể tránh khỏi.

2.2. Thực trạng lỗi viết câu của HS dân tộc Khmer ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh An Giang

Để đánh giá thực trạng lỗi viết câu của HS dân tộc Khmer ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh An Giang, chúng tôi đã tiến hành khảo sát lỗi trên 183 bài kiểm tra viết đoạn văn của HS dân tộc Khmer ở các trường THPT trên địa bàn huyện Tri Tôn và Tịnh Biên.

Những bài kiểm tra chúng tôi thu được chủ yếu là các bài kiểm tra 15 phút và một tiết trên lớp. Chúng tôi đã tiến hành thống kê và phân loại lỗi trong các bài kiểm tra, kết quả trong số 183 bài kiểm tra có tới 175 bài, chiếm 95,6% bị mắc lỗi viết câu. Những lỗi mà HS dân tộc Khmer mắc phải được chúng tôi quy về 4 nhóm lỗi chủ yếu đó là lỗi cấu trúc, lỗi dấu câu, lỗi logic ngữ pháp và lỗi phong cách (Mai Thị Vân, 2016).

2.2.1. Lỗi cấu trúc

Khi viết một câu văn, đoạn văn bằng tiếng Việt, HS dân tộc Khmer thường bị yếu tố ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ chi phối rất nhiều về cấu trúc ngữ pháp, do đó lỗi này khá phổ biến ở HS dân tộc Khmer. Kết quả khảo sát các bài kiểm tra cho thấy, lỗi này tương đối phong phú và đa dạng khi các em viết đoạn văn, có những câu văn các em viết thiếu chủ ngữ, có những câu thiếu vị ngữ thậm chí có những câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ. Kết quả khảo sát cụ thể về lỗi cấu trúc trong các đoạn văn của HS dân tộc Khmer thể hiện rõ trong Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả thống kê lỗi cấu trúc ngữ pháp của HS dân tộc Khmer

Lớp	Tổng số bài kiểm tra	Bài không mắc lỗi		Số bài từ 1 đến 2 lỗi		Số bài từ 3 lỗi trở lên	
		Số bài	%	Số bài	%	Số bài	%
Lớp 10	95	05	5,3	32	33,7	58	61
Lớp 11	52	04	7,7	25	48,1	23	44,2
Lớp 12	36	05	13,9	24	66,7	07	19,4
Tổng cộng	183	14	7,6	81	44,3	88	48,1

Nguồn: Mai Thị Vân, 2016.

Kết quả thống kê ở bảng trên đã cho thấy đa số HS dân tộc Khmer, chiếm 92,4% bị mắc lỗi cấu trúc khi viết đoạn văn, tỷ lệ HS không bị mắc lỗi cấu trúc chỉ chiếm có 7,6%. Tuy số lượng bài kiểm tra không bị mắc lỗi cấu trúc của 3 khối gần tương

đương nhau nhưng số lượng và tần số mắc lỗi trong bài kiểm tra giữa các khối có sự khác nhau rất rõ. Cụ thể là ở khối 10, tỷ lệ HS có số lượng bài kiểm tra mắc lỗi cao nhất, 90 bài, chiếm 94,7%. Trong đó, số lượng bài kiểm tra bị mắc từ 2 đến 3 lỗi chiếm

đến 61%. So với khối 10 thì HS của khối 11 có số lượng và tỷ lệ bài kiểm tra bị mắc lỗi cấu trúc thấp hơn. Đồng thời tần số mắc lỗi trong các bài kiểm tra của HS cũng có sự chênh lệch không đáng kể. Riêng khối 12, mặc dù tỷ lệ bài kiểm tra của HS bị mắc lỗi vẫn còn cao, chiếm 86,1% nhưng tần số mắc lỗi trong các bài kiểm tra đã ít hơn rất nhiều. Nếu các bài kiểm tra bị mắc từ 1 đến 2 lỗi chiếm 66,7% thì các bài mắc từ 3 lỗi trở lên chỉ chiếm có 19,4%. Điều này chứng tỏ, càng học lên cao, HS dân tộc Khmer càng nắm vững kiến thức về cấu trúc ngữ pháp nên trong quá trình tạo lập văn bản các em đã hạn chế được tần số mắc lỗi trong quá trình hành văn.

Bảng 2. Kết quả thống kê lỗi dấu câu của HS dân tộc Khmer

Lớp	Tổng số bài kiểm tra	Bài không mắc lỗi		Số bài từ 1 đến 2 lỗi		Số bài từ 3 lỗi trở lên	
		Số bài	%	Số bài	%	Số bài	%
Lớp 10	95	35	36,8	40	42,1	20	21,1
Lớp 11	52	22	42,3	23	44,2	7	13,5
Lớp 12	36	17	47,2	16	44,5	3	8,3
Tổng cộng	183	74	40,4	79	43,2	30	16,4

Nguồn: Mai Thị Vân, 2016.

Số liệu ở Bảng 2 đã chứng minh, tỷ lệ các đoạn văn bị mắc lỗi về dấu câu vẫn còn tương đối cao và tập trung nhiều nhất ở HS khối 10, kế đến là HS khối 11, cuối cùng là HS khối 12. Trong đó, số lượng đoạn văn bị mắc từ 1 đến 2 lỗi của cả 3 khối đều cao hơn so với số lượng đoạn văn mắc từ 3 lỗi trở lên.

Như vậy, tuy số lượng và tần số mắc lỗi về dấu câu của HS thấp hơn so với số lượng và tần số mắc lỗi về cấu trúc nhưng việc sử dụng dấu câu trong các đoạn văn của nhiều HS dân tộc Khmer vẫn khá tùy tiện. Trong một số đoạn văn, các em chưa biết phân biệt rõ khi nào dùng dấu chấm, khi nào dùng dấu phẩy, dấu chấm phẩy, cứ thấy nhiều thì chấm hoặc phẩy. Điều đó chứng tỏ các em chưa nắm được mô hình hoàn chỉnh của câu, đoạn, chưa nắm vững kiến thức về các loại dấu câu.

Bảng 3. Kết quả thống kê lỗi logic trong các bài kiểm tra của HS

Lớp	Tổng số bài kiểm tra	Bài không mắc lỗi		Số bài từ 1 đến 2 lỗi		Số bài từ 3 lỗi trở lên	
		Số bài	%	Số bài	%	Số bài	%
Lớp 10	95	38	40	48	50,5	9	9,5
Lớp 11	52	29	55,8	20	38,5	3	5,7
Lớp 12	36	19	52,8	15	41,7	2	5,5
Tổng cộng	183	86	47	83	45,3	14	7,7

Nguồn: Mai Thị Vân, 2016.

2.2.2. Lỗi dấu câu

Dấu câu có vai trò quan trọng trong việc biểu thị những ngữ điệu, ngữ pháp, ngữ nghĩa của câu. Khảo sát những đoạn văn của HS dân tộc Khmer, chúng tôi thấy hai loại dấu câu được HS dân tộc Khmer sử dụng thường xuyên và chủ yếu khi viết đoạn văn đó là dấu chấm và dấu phẩy. Mặc dù được sử dụng thường xuyên và liên tục nhưng hiện tượng dùng sai dấu câu vẫn rất phổ biến trong các bài kiểm tra của HS. Trong số 183 đoạn văn của HS viết, chúng tôi chỉ thống kê được 74 đoạn văn không bị mắc lỗi dấu câu, còn lại 109 đoạn văn bị mắc lỗi dấu câu. Kết quả thống kê lỗi dấu câu của HS dân tộc Khmer thể hiện trong Bảng 2.

2.2.3. Lỗi logic

Lỗi logic là lỗi mà HS sắp xếp các ý không theo trật tự logic của các ý có trong văn bản, hoặc đảo trật tự kết cấu, không phân định rõ trật tự cần có của thành phần câu, vi phạm những quy luật sắp xếp của tư duy hoặc sai hiện thực. Lỗi này khá phổ biến trong các đoạn văn của HS dân tộc Khmer. Biểu hiện của lỗi này là các câu trong đoạn văn rời rạc, rối rắm, thiếu mạch lạc. Nguyên nhân chính là do đa số HS dân tộc Khmer có thói quen nghĩ sao viết vậy, tư duy logic yếu nên khi viết các em cũng nghĩ gì viết đó dẫn tới các câu trong đoạn bị rời rạc, các ý giữa các câu thiếu sự logic. Kết quả thống kê lỗi logic trong các đoạn văn ở bài kiểm tra thể hiện trong Bảng 3.

Quan sát kết quả ở Bảng 3, ta thấy có 86 đoạn văn trên tổng số 183 đoạn, chiếm 47% không bị mắc lỗi logic, còn lại 97 đoạn, chiếm 53% bị mắc phải lỗi logic. Điều đó đồng nghĩa với số lượng bài không mắc lỗi và số lượng bài bị mắc lỗi không có sự chênh lệch nhiều. Đồng thời, số lượng lỗi trong các đoạn văn cũng không nhiều, đa phần các đoạn chỉ mắc từ 1 đến 2 lỗi, số lượng đoạn mắc từ 3 lỗi logic trở lên chỉ chiếm có 7,7%.

Mặc dù đã trải qua quá trình học và sử dụng tiếng Việt trong một khoảng thời gian dài, được rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn khá nhiều ở từng lớp học, cấp học nhưng tỷ lệ HS dân tộc Khmer bị mắc lỗi logic khi viết đoạn văn vẫn còn tương đối nhiều. Điều này có thể xuất phát từ tư duy logic của một số HS dân

tộc Khmer còn hạn chế, phạm vi giao tiếp lại bó hẹp chủ yếu ở trong phạm vi xã hội nên khi viết đoạn văn nhiều em hay viết theo dòng suy nghĩ của bản thân nghĩa là thường theo thói quen của dân tộc Khmer, nghĩ gì viết đó không chú ý đến việc sắp xếp các ý sao cho hợp logic của cả đoạn.

2.2.4. Lỗi phong cách

Chúng ta biết mỗi văn bản có những đặc trưng phong cách nhất định và mỗi câu trong văn bản đều phải phù hợp với phong cách đó. Qua khảo sát các bài kiểm tra của HS, chúng tôi nhận thấy lỗi phong cách của HS dân tộc Khmer thể hiện chủ yếu qua việc dùng từ ngữ sai phong cách chức năng văn bản. Kết quả khảo sát lỗi phong cách của HS dân tộc Khmer trong các đoạn văn thể hiện trong Bảng 4.

Bảng 4. Kết quả thống kê lỗi phong cách của HS dân tộc Khmer

Lớp	Tổng số bài kiểm tra	Bài không mắc lỗi		Số bài từ 1 đến 2 lỗi		Số bài từ 3 lỗi trở lên	
		Số bài	%	Số bài	%	Số bài	%
Lớp 10	95	17	17,9	41	43,2	37	38,9
Lớp 11	52	11	21,2	26	50	15	28,8
Lớp 12	36	7	19,4	20	55,6	9	25
Tổng cộng	183	35	19,1	87	47,6	61	33,3

Nguồn: Mai Thị Vân, 2016.

Qua bảng thống kê trên, chúng ta có thể khẳng định, tỷ lệ HS dân tộc Khmer mắc lỗi phong cách trong quá trình hành văn rất phổ biến. Cụ thể là trong số 183 đoạn văn của HS thì có đến 148 đoạn bị mắc lỗi phong cách, chỉ có 35 bài là không bị mắc lỗi phong cách. Đồng thời, số lượng lỗi trong các đoạn văn của cả 3 khối cũng có sự chênh lệch không đáng kể. Trong đó, lỗi phổ biến nhất là việc dùng các từ ngữ thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt (khẩu ngữ) trong các văn bản chính luận, khoa học, nghệ thuật, hành chính công vụ. Nguyên nhân mắc lỗi phong cách chủ yếu là do HS dân tộc Khmer chưa nắm vững kiến thức về các kiểu loại văn bản, vốn từ ngữ lại hạn chế cộng với thói quen nghĩ gì viết đó, không có sự lựa chọn, chất lọc từ ngữ cho phù hợp với từng loại văn bản.

Nhìn chung, kết quả khảo sát lỗi viết câu trong các bài kiểm tra đã cho thấy tỷ lệ HS dân tộc Khmer mắc lỗi viết câu trong các đoạn văn khá nhiều. Trong đó, lỗi phổ biến nhất là lỗi cấu trúc và lỗi phong cách. Lỗi dấu câu và lỗi logic tuy ít hơn lỗi cấu trúc và lỗi phong cách nhưng vẫn chiếm tỷ lệ trên 50%. Điều đó chứng tỏ nhiều HS dân tộc Khmer còn bị thiếu và yếu về năng lực viết câu trong quá trình tạo lập văn bản.

2.3. Nguyên tắc sửa lỗi viết câu cho HS dân tộc Khmer

2.3.1. Sửa lỗi câu phải nhằm khắc phục được các nguyên nhân chủ yếu của HS vùng song ngữ

HS dân tộc Khmer đang theo học tại các trường phổ thông ở An Giang là những đối tượng song ngữ. Nghĩa là, ngoài việc sở hữu các kỹ năng cơ bản đến chuyên sâu về tiếng mẹ đẻ Khmer, các em còn có khả năng sử dụng được tiếng Việt với các mức độ khác nhau tùy từng đối tượng. Chính vì sở hữu được kỹ năng sử dụng ít nhất là hai ngôn ngữ trở lên (tiếng Khmer và tiếng Việt), nên trong quá trình sử dụng ngôn ngữ, các em có xu hướng lựa chọn ngôn ngữ cho phù hợp với từng đối tượng giao tiếp, từng hoàn cảnh giao tiếp, mục đích giao tiếp... Hiện tượng song ngữ của HS dân tộc Khmer cũng dẫn đến một hiện tượng khá phổ biến là “sự nhầm lẫn” giữa đặc điểm tiếng mẹ đẻ Khmer với tiếng Việt trong quá trình sử dụng, từ đó dẫn đến việc các em thường mắc một số lỗi khi viết câu, viết đoạn mang tính phổ biến. Những lỗi này khác biệt hoàn toàn so với HS dân tộc Kinh và HS các dân tộc khác cùng cộng cư ở An Giang khi viết tiếng Việt.

Nghiên cứu cho thấy, tiếng Việt và tiếng Khmer có cùng nguồn gốc, cùng loại hình đơn lập, do đó, ở hai ngôn ngữ này có nhiều nét tương đồng về các phương diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Tuy nhiên, như chúng tôi đã trình bày, vẫn có hai điểm khác biệt nổi bật mà chúng tôi đặc biệt lưu tâm: thứ nhất, tiếng Khmer không có thanh điệu trong khi tiếng Việt có hệ thống thanh điệu; thứ hai, cấu trúc danh ngữ tiếng Khmer và tiếng Việt có trật tự sắp xếp khác nhau. Theo đó, ở danh ngữ tiếng Khmer, phần trung tâm luôn nằm ở vị trí đầu tiên (bên trái), trong khi trung tâm danh ngữ tiếng Việt thường nằm ở giữa.

Nắm được các đặc điểm của HS vùng song ngữ như đã nêu, trong quá trình nghiên cứu đưa ra các biện pháp sửa lỗi viết câu, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến nguyên tắc “khắc phục các nguyên nhân chủ yếu của HS vùng song ngữ”.

Diễn hình như, đối với HS dân tộc Kinh, các em thường không/ hoặc rất ít khi mắc lỗi về sắp xếp trật tự từ khi tạo câu. Trong khi đó, HS dân tộc Khmer lại thường xuyên bị mắc lỗi này. Nguyên do là HS dân tộc Khmer nhầm lẫn giữa cách sắp xếp từ ngữ trong tiếng mẹ đẻ của mình (tiếng Khmer) và cách sắp xếp từ ngữ trong tiếng Việt.

Ví dụ: Đối với câu “Ba HS nữ vừa đi ra quán mua nước uống.” thì HS dân tộc Kinh ít khi diễn đạt sai trật tự từ, vì tâm thức bản ngữ khiến các em có thể tri nhận đúng cấu trúc các thành phần trong câu để tạo ra một kết hợp chính xác.

Học sinh dân tộc Kinh thường không/ hoặc ít khi diễn đạt câu trên thành “HS nữ ba quán nước uống vừa đi ra”. Bởi lẽ, tiếng Việt là ngôn ngữ mẹ đẻ của HS dân tộc Kinh. Các quy tắc kết hợp, cấu trúc cú pháp và ý nghĩa miêu tả trong mỗi câu đều được HS dân tộc Kinh tri nhận, trừ khi quá bất cẩn hoặc nhầm lẫn trong vô thức các em mới mắc những lỗi “ngớ ngẩn” như thế.

Trong khi đó, đối với HS dân tộc Khmer, khi yêu cầu diễn đạt thành một câu với các từ ngữ và nội dung tương tự như ví dụ trên, các em sẽ có các cách diễn đạt mắc lỗi khá phổ biến như sau:

- (1) Học sinh nữ ba vừa đi ra quán mua nước uống.
- (2) Nữ HS ba vừa quán đi mua nước uống.
- (3) Học sinh nữ ba vừa uống nước ra quán mua.
- (4) Học sinh nữ ba vừa quán nước uống đi mua.
- (5) Nữ HS ba vừa quán nước uống đi mua.

...

Có thể thấy, các lỗi kết hợp từ ngữ trong tạo câu của HS dân tộc Khmer là khá phức tạp, có tính chất khác biệt hầu như hoàn toàn so với các lỗi của HS dân tộc Kinh. Do vậy, khi định hướng, lựa chọn và áp dụng các phương pháp sửa lỗi viết câu trong quá trình xây dựng đoạn văn của HS dân tộc Khmer, chúng tôi rất lưu tâm đến nguyên tắc đảm bảo việc khắc phục được các nguyên nhân chủ yếu của HS vùng song ngữ.

2.3.2. Sửa lỗi câu phải giúp HS biết cách phát hiện lỗi, nhận biết nguyên nhân và cách sửa chữa

Việc khắc phục lỗi viết câu trong quá trình xây dựng đoạn văn là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao năng lực tiếng Việt, nâng cao chất lượng học tập cho HS dân tộc Khmer. Do vậy, trong quá trình dạy học môn Ngữ văn tại các trường có tỷ lệ HS dân tộc Khmer cao, vấn đề này càng phải được quan tâm thực hiện. Khi sửa lỗi viết câu, người giáo viên cần nắm rõ nguyên tắc, cần phải giúp HS biết cách tự phát hiện lỗi, tự nhận biết nguyên nhân và bước đầu tìm được những cách sửa phù hợp. Để làm được điều này, chúng ta cần cung cấp một cách đầy đủ những kiến thức ngữ pháp về câu, về đoạn cho các em. Phải cho các em biết thế nào là câu đúng, thế nào là câu sai khi đặt trong phạm vi một đoạn văn, một bài văn.

Trong tiếng Việt, một câu được xem là đúng khi đặt trong văn bản nếu nó đảm bảo được 5 yêu cầu sau:

Thứ nhất, câu phải viết đúng quy tắc ngữ pháp tiếng Việt. Nghĩa là, câu phải đảm bảo đầy đủ các thành phần câu theo yêu cầu, phải tuân thủ các quy tắc kết hợp nhất định. Trong những trường hợp nhất định, có thể linh hoạt uyển chuyển vị trí các thành phần câu, có thể thêm bớt thành phần câu tùy theo dụng ý người viết. Tuy nhiên, đối với HS bậc phổ thông, chúng ta nên hướng các em đến việc viết câu chính xác về cấu trúc, sau đó mới tính đến phương án phát triển thành các cách diễn đạt sáng tạo.

Thứ hai, câu phải đúng về nội dung ngữ nghĩa, tức là phản ánh một cách chính xác hiện thực khách quan và quan hệ ngữ nghĩa của các thành phần câu không được mâu thuẫn. Ví dụ, câu “Vớ tinh thần quyết chiến quyết thắng, bọn địch nhất định bị quân đội ta đánh bại” là một câu sai vì quan hệ giữa trạng ngữ và chủ ngữ không phù hợp, thiếu logic.

Thứ ba, câu phải được đánh dấu câu phù hợp.

Thứ tư, câu phải liên hệ chặt chẽ với các câu khác trong văn bản và cùng hướng đến chủ đề chung của

văn bản. Nếu các câu đúng về ngữ pháp, ngữ nghĩa, về dấu câu nhưng không liên kết được với nhau thì văn bản sẽ vô nghĩa. Do đó, xét một câu đúng ta cần đặt trong phạm vi đoạn văn, văn bản.

Thứ năm, câu viết phải phù hợp với phong cách văn bản.

Khi sửa lỗi viết câu, người dạy cần hướng dẫn cho HS viết các yêu cầu của một câu đúng như đã nêu, những câu không đảm bảo từ một yêu cầu trở lên được xem là câu sai. Tùy cách thức sai mà hướng đến phương pháp sửa chữa, khắc phục.

Chẳng hạn, khi sửa câu cụ thể, chúng tôi sẽ yêu cầu HS tự phát hiện lỗi, thử chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến mắc lỗi sau đó gợi ý các em tìm nhiều cách sửa và chọn cách sửa đúng nhất, hay nhất. Đối với HS dân tộc Kinh, dĩ nhiên các việc làm trên cũng cần thiết, nhưng đối với HS dân tộc Khmer thì thời gian cần nhiều hơn. Không những thế, người giáo viên cần phải đặt thêm nhiều câu hỏi mang tính diễn giải, gợi mở cho các em nhận ra mọi điều rõ ràng hơn.

Ngoài ra, sau khi sửa một câu cụ thể, giáo viên phải dẫn ra các ví dụ tương đồng để giúp các em nhận thức tốt hơn về một số lỗi chung nào đó và lựa chọn, ghi nhớ cách sửa loại lỗi đó.

Ví dụ, các câu sau đây thực chất là mắc cùng một lỗi, và biện pháp sửa lỗi ở các câu này cũng mang tính chất tương đồng.

(1) Qua Truyện Kiều của Nguyễn Du đã thể hiện một tinh thần nhân đạo sâu sắc. (Bài làm của HS)

(2) Với truyện ngắn Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài đã lên án bọn thực dân và chúa đất trên vùng Tây Bắc thời bấy giờ. (Bài làm của HS)

(3) Bằng tấm lòng nhân hậu của Thạch Lam đã thể hiện cái nhìn đầy nhân văn về hoàn cảnh, số phận của những người dân lầm lũi sống, héo hắt từng ngày ở cái phố huyện nghèo nàn, tẻ nhạt. (Bài làm của HS)

Với những câu này, giáo viên chỉ cần hướng dẫn chi tiết phương pháp sửa lỗi ở một câu mang tính điển hình, sau đó gợi ý cho HS tự phân tích và sửa chữa các câu còn lại. Nếu cần, giáo viên đưa thêm nhiều ví dụ để HS nắm rõ thao tác, hiểu phương pháp và thực hiện việc sửa lỗi nhanh hơn, hay hơn.

2.3.3. Sửa câu phải chú ý đặt câu vào đoạn, bài và mục đích của người viết

Khi sửa lỗi câu cho HS, chúng ta cần đảm bảo nguyên tắc đặt câu trong mối tương quan với đoạn văn, bài văn và phải đảm bảo đúng mục đích người

viết. Bởi lẽ trong thực tế, có những câu, nếu chúng ta đặt riêng ra thì nó sẽ trở thành một câu sai. Nhưng khi ta đặt câu ấy vào ngữ cảnh, vào tình huống giao tiếp, vào đoạn văn hay bài văn cụ thể nó sẽ trở thành một câu đúng.

Ví dụ, ta có câu: “Lụa Tân Châu.” (1) Nếu xét riêng, câu (1) là câu sai về cấu trúc, mắc lỗi thiếu thành phần vị ngữ, một trong hai thành phần bắt buộc của cấu trúc câu tiếng Việt. Tuy nhiên, đặt trong ngữ cảnh sau, câu (1) hoàn toàn chấp nhận được.

Ví dụ: - *Cái áo này may bằng vải gì mà đẹp quá vậy?*

- *Lụa Tân Châu.*

Ngoài ra, trong một số trường hợp, người viết có thể sử dụng những câu có cấu trúc đặc biệt nhằm nhấn mạnh một nội dung nào đấy, hoặc tạo ấn tượng mạnh cho người tiếp nhận. Lúc ấy, ta không thể nhận định đó là những câu sai.

Ví dụ: “Hiền là chị tôi. Là chị (2). Tôi luôn nhớ điều này như in trong những kiến văn được lập trình sẵn cho lí trí. Có điều, trong những giấc mơ, tôi hay quên bằng điều đó. Tôi thấy Hiền là bạn, là em, thậm chí là... mẹ tôi” (Y Nguyên, 2015, tr. 53).

Câu (2) ở ví dụ vừa dẫn nếu xét theo cấu trúc cú pháp thì đó là một câu lỗi, thiếu chủ ngữ. Tuy nhiên, đặt trong văn cảnh ấy, ta hoàn toàn có thể hiểu được điều tác giả muốn nói, hiểu được đối tượng nào đang được đề cập đến. Không chỉ vậy, nó còn cho thấy thái độ, dụng ý nghệ thuật mà người viết ký thác vào. Đó là sự nhấn mạnh cái ý thức cần phải nhớ nhân vật Hiền là “chị”, mặc dù cái ý thức này còn khá mơ hồ, hay bị chính nhân vật xưng “tôi” nhầm lẫn.

Từ các phân tích trên, chúng ta nhận thấy muốn sửa lỗi câu, một trong những nguyên tắc cần phải được đảm bảo, đó là đặt câu vào đoạn văn, bài văn và mục đích người viết. Ngoài các nguyên tắc này, chúng ta còn phải đảm bảo những yêu cầu bắt buộc khi sửa lỗi câu đó là:

Thứ nhất, khi sửa lỗi câu cho HS dân tộc Khmer, người dạy cần ưu tiên khắc phục các lỗi phổ biến, riêng biệt của đối tượng này. Để đảm bảo được yêu cầu này, người dạy cần phải có sự thống kê, tổng hợp trong một thời gian dài, đồng thời phải biết cách phân loại các lỗi thành từng nhóm lớn, có tham chiếu giữa lỗi của HS dân tộc Khmer với HS dân tộc Kinh cùng địa bàn, cùng thụ hưởng các chương trình giáo dục như nhau.

Thứ hai, khi hướng dẫn HS sửa lỗi viết câu, người dạy cần đảm bảo yêu cầu sai lỗi nào sửa lỗi đó, kể cả những lỗi phổ biến lẫn những lỗi mang tính cá biệt. Từ đó, chúng ta sẽ hướng HS đến biện pháp khắc phục tối ưu. Thực tế cho thấy, có những lỗi rất phổ biến đối với HS dân tộc Khmer, nhưng có những lỗi chỉ xuất hiện nhất thời do nhầm lẫn hoặc bất cẩn trong cách hành văn. Tuy có những lỗi không mang tính điển hình, ít xuất hiện đối với HS dân tộc Khmer khi viết tiếng Việt nhưng người dạy cũng cần quan tâm, hướng dẫn sửa chữa tất cả các lỗi câu mà HS mắc phải. Điều này sẽ khiến HS dân tộc Khmer hạn chế được việc tái mắc lỗi, tự rút kinh nghiệm để ngày càng hoàn thiện hơn khi diễn đạt bằng văn bản.

Thứ ba, đối với HS cấp THPT, nhất là với các em HS khá, giỏi, khi sửa lỗi viết câu, người dạy cần lưu tâm đến việc giúp các em không chỉ tạo lập được những câu đúng mà còn hướng đến việc tạo lập được những câu hay. Từ đó, khơi gợi hứng thú cho các em trong việc học tập phân môn Tiếng Việt nói riêng và môn Ngữ văn nói chung. Từ thực tế khảo sát, chúng tôi nhận thấy, không phải tất cả các HS dân tộc Khmer đều mắc lỗi khi hành văn bằng tiếng Việt. Tuy tỉ lệ HS mắc lỗi khá cao nhưng có một số lượng nhỏ HS ít khi mắc lỗi. Do vậy đối với những HS giỏi văn dân tộc Khmer thì ngoài việc hướng dẫn HS phát hiện lỗi và sửa lỗi theo các bước thông thường, người dạy cần gợi ý, hướng dẫn để các em có thể biến những câu sai thành những câu hay, góp phần nâng cao năng lực hành văn cho các em.

Thứ tư, ngoài các yêu cầu trên, khi sửa câu, chúng ta cần đảm bảo hướng dẫn các em sửa bằng nhiều con đường, nhiều hình thức. Mỗi câu sai thông thường sẽ có nhiều cách sửa khác nhau, người dạy cần hướng dẫn các em các cách sửa, từ đơn giản đến phức tạp. Đó là một trong những yếu tố quan trọng giúp các em có thể chọn lựa cách sửa phù hợp ở những lần tiếp theo.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát 183 bài kiểm tra của HS dân tộc Khmer đã cho thấy tỷ lệ HS dân tộc Khmer mắc lỗi viết câu còn rất cao. Những lỗi viết câu trong các bài viết của HS dân tộc Khmer rất phong phú và đa dạng nhưng chủ yếu là tập trung vào 4 nhóm lỗi chủ yếu đó là: lỗi dấu câu, lỗi cấu trúc, lỗi logic và lỗi phong cách.

Để hạn chế lỗi viết câu cho HS dân tộc Khmer, bài viết đã xây dựng nguyên tắc sửa lỗi viết câu cho HS dân tộc Khmer. Khi xây dựng các nguyên tắc khắc phục lỗi viết câu cho HS dân tộc Khmer ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh An Giang, tác giả bài viết luôn cố gắng đưa ra các nguyên tắc phù hợp với trình độ, đặc điểm, tình hình của HS dân tộc Khmer ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh An Giang. Song người dạy cần phải tùy vào đối tượng, đặc điểm tình hình để có thể vận dụng hoặc điều chỉnh sao cho phù hợp./

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD&ĐT. (2002). *Ngữ văn 6 (tập 1-2)*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Bộ GD&ĐT. (2003). *Ngữ văn 7 (tập 1-2)*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Bộ GD&ĐT. (2004). *Ngữ văn 8 (tập 1-2)*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Bộ GD&ĐT. (2006). *Ngữ văn 9 (tập 1-2)*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Bộ GD&ĐT. (2006). *Ngữ văn 10 (tập 1-2)*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Bộ GD&ĐT. (2007). *Ngữ văn 11 (tập 1-2)*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Bộ GD&ĐT. (2008). *Ngữ văn 12 (tập 1-2)*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Cao, X. H. (Chủ biên), Lý, T. H., Nguyễn, K. T., Võ, X. T., & Trần, T. T. M. (2002). *Lỗi ngữ pháp và cách khắc phục*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Lê, A. (Chủ biên), Nguyễn, Q. N., & Bùi, M. T. (2001). *Phương pháp dạy học tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Mai, T. V. (2016). *Biện pháp khắc phục lỗi viết câu trong xây dựng đoạn văn của HS dân tộc Khmer ở các trường THPT huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang*. Luận văn thạc sỹ, Đại học Sư phạm Huế.
- Nguyễn, Đ. D. (2013). *Từ câu sai đến câu hay*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trương, D. (1997). *Dạy học tiếng Việt ở trường HS dân tộc*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Y, N. (2015). *Phố núi mù sương*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.